TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 469/2024/DS-ST
Ngày 10 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Chung Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Đường K, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1994, địa chỉ liên hệ: Đường H, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Thành N, sinh năm 1988, địa chỉ: Đường T, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Phạm Thanh P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/12/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Lê Thành N có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông N, loại thẻ Visa, số thẻ 436438-0567, hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền là 602.121.000 đồng, đã thanh toán số tiền 412.387.300 đồng sau đó không tiếp tục thanh toán mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nhiều lần thông báo, nhắc nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/5/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông N sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/01/2024, ông Lê Thành N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 277.304.505 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 227.362.716 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 49.941.789 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thành N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 30/01/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là ông Lê Thành N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Phạm Thanh P là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt, gửi bản trình bày ý kiến yêu cầu ông Lê Thành N trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 10/7/2024 trong đó gốc là 227.362.716 đồng, lãi là 95.933.380 đồng, tổng cộng 323.296.096 đồng và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thanh toán xong hết nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng, yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Lê Thành N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Thành N tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Phạm Thanh P là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn ông Lê Thành N đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 323.296.096 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/12/2022 và phần phê duyệt của Ngân hàng S ngày 20/12/2022 (kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ bảng sao kê tài khoản thẻ chi tiết gốc, lãi và phí do Nguyên đơn cung cấp thì Bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 10/7/2024 trong đó nợ gốc là 227.362.716 đồng, nợ lãi là 95.933.380 đồng, tổng cộng 323.296.096 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện, Bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng

các chứng cứ có trong hồ sơ xác định Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn số tiền 323.296.096 đồng.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu tổng cộng là 323.296.096 đồng.

Ngoài số tiền trên, Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 11/7/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đồng. Hoàn lại cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bị đơn ông Lê Thành N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 323.296.096 (Ba

trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn không trăm chín mươi sáu) đồng. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Thành N phải nộp 16.164.805 (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm lẻ năm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 6.072.033 (Sáu triệu không trăm bảy mươi hai ngàn không trăm ba mươi ba) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024063 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm